TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17 /2026/DS-ST
Ngày: 10 - 3 - 2026
V/v:"tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Bằng

2. Ông Dương Quốc Phòng

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường xét xử án Dân sự Toà án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 155/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2026/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2026, Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 17/2026/TB-TA ngày 26 tháng 01 năm 2026; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa dân sự số 42/TB-TA ngày 23 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Phương M, sinh năm 1947. Địa chỉ thường trú: Số 91 Hai Bà T, phường Sài G, TP. Hồ Chí Minh; nơi ở hiện nay: Số 100 đường Ngô Q, phường An Đ, TP. Hồ Chí Minh. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Bảo Thủy V, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số 72-74 Châu Văn L, phường Chợ L, TP. Hồ Chí Minh (Số 72-74 Châu Văn L, phường 11, quận 5, TP. Hồ Chí Minh cũ). Bà M vắng mặt, ông V có mặt.

- Bị đơn:

1. Bà Võ Thị Thanh M, sinh năm 1987; địa chỉ: TDP 6, phường Đồng S, tỉnh Quảng Trị. Hiện đang trong thời gian Hoãn chấp hành án phạt tù, thuộc quản lý của Công an phường Đồng Sơn, tỉnh Quảng Trị. Bà M có mặt.

2. Ông Nguyễn Thái L, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 66 Đào Duy T, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thủ Đức, Bộ Công an. Ông L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Phần trình bày của nguyên đơn bà Phan Thị Phương M tại đơn khởi kiện, bản tự khai và ý kiến của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Nguyễn Bảo Thủy V tại biên bản hòa giải, tại phiên tòa:*

Nguyên đơn bà Phan Thị Phương M thực hiện quyền khởi kiện buộc ông Nguyễn Thái L, bà Võ Thị Thanh M thực hiện các nội dung cụ thể như sau:

Quá trình giao dịch, đặt cọc, ký hợp đồng thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với Công ty cổ phần BĐS địa ốc A: Tên dự án: Alibaba Tóc Tiên Residence 2, tọa lạc tại ấp 5, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cũ; chủ đầu tư là Công ty cổ phần BĐS địa ốc A; số hợp đồng: LK13 – ô số 16/HĐCN/2019, diện tích: 136,3m^2; ngày ký hợp đồng: 18/02/2019 (ngày đóng tiền); số phiếu thu: 51100. Số tiền thực đóng cho 01 nền đất là 344.263.000 đồng. Về yêu cầu bồi thường số tiền đầu tư, do nguyên đơn chưa được liệt kê vào danh sách bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự nên căn cứ theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 607/2022/HS-ST ngày 29/12/2022 và Bản án phúc thẩm: 300/2023/HS-PT ngày 19/5/2023 hướng dẫn người khởi kiện dân sự sẽ tiến hành nộp đơn khởi kiện dân sự đến TAND có thẩm quyền nơi đăng ký giấy phép kinh doanh có trụ sở chính Công ty địa ốc A hoặc tại TAND địa phương để được giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung như đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết và xem xét các yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Thái L và bà Võ Thị Thanh M hoàn trả lại cho bà Phan Thị Phương M số tiền 344.263.000 đồng, dựa trên phiếu thu mà Công ty cổ phần địa ốc A đã thu có số thứ tự là 51100. Bà Phan Thị Phương M không yêu cầu ông Nguyễn Thái L và bà Võ Thị Thanh M phải trả tiền lãi.

**Bị đơn bà Võ Thị Thanh M trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa:*

Đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Phương M yêu cầu buộc ông Nguyễn Thái L và bà Võ Thị Thanh M hoàn trả lại cho bà Phan Thị Phương M số tiền 344.263.000 đồng thì căn cứ hồ sơ sổ sách tôi – Võ Thị Thanh M thừa nhận quá trình giao dịch, đặt cọc, ký hợp đồng thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với Công ty cổ phần BĐS địa ốc A. Tên dự án: A Tóc Tiên Residence 2, tọa lạc tại ấp 5, xã Tóc Tiên, thị xã Phú M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cũ; chủ đầu tư là

Công ty cổ phần BĐS địa ốc A; số hợp đồng: LK13 – ô số 16/HĐCN/2019, diện tích: 136,3m^2; ngày ký hợp đồng: 18/02/2019 (ngày đóng tiền); số phiếu thu: 51100. Số tiền thực đóng cho 01 nền đất là 344.263.000 đồng. Nay Công ty không còn hoạt động nên với tư cách cá nhân tôi bà Võ Thị Thanh M và ông Nguyễn Thái L sẽ tự chịu trách nhiệm cá nhân trả nợ hết khoản nợ này cho bà Phương M số tiền 344.263.000 đồng trong thời gian sớm nhất có thể. Đề nghị Tòa án và nguyên đơn tạo điều kiện cho tôi trả nợ dần.

Tại phiên tòa bà M trình bày bà và ông Nguyễn Thái L là hai vợ chồng; bà đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ tại các Bản án hình sự sơ thẩm và hình sự phúc thẩm đã xét xử bà M, ông L để làm căn cứ đề nghị Cơ quan thi hành án thành phố Hồ Chí Minh giải quyết về phần tài sản đang bị Cơ quan thi hành án kê biên bằng hình thức đấu giá để bà và ông L bồi thường cho các bị hại trong bản án hình sự và các nguyên đơn trong các vụ án dân sự.

**Tại bản tự khai ngày 27/01/2025 ông Nguyễn Thái L trình bày:* "Vào ngày 05/5/2016 tôi mở Công ty cổ phần địa ốc A chuyên môi giới bán đất nền vùng ven. Trong quá trình kinh doanh, tôi dựa theo quy hoạch đất ở, quy định phân lô tách thửa, mua đất làm dự án. Việc phát triển dự án do pháp nhân độc lập pháp lý với Công ty cổ phần địa ốc A thực hiện. Sau đó sẽ ký hợp đồng hợp tác phân phối với nhau để Công ty cổ phần địa ốc A công khai mở bán, đưa khách hàng đi xem thực tế, bán hàng và cho dù lý do gì khiến dự án ra sổ chậm tiến độ hoặc khách hàng đổi ý Công ty luôn thực hiện mua không để ai mất tiền.

Ngày 18/9/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra thành phố Hồ Chí Minh tạm giữ tôi và thu giữ tài sản Công ty vì lý do có người làm đơn tố cáo nhưng khi tôi đề nghị cho xem đơn thì không có. Tiếp đó tôi bị khởi tố và bị kết án tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Trong kết luận của Cơ quan Cảnh sát điều tra bác bỏ hợp đồng thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Công ty chủ đầu tư với khách hàng. Tôi đã trình bày ý kiến và khiếu nại việc này đề nghị cho phép bóc tách giải quyết vấn đề dân sự. Bởi vì với quỹ đất Cơ quan điều tra kê biên 450ha phần lớn đã tách ra sổ 500m^2 1000m^2 dù có thanh lý giá rẻ, cấn trừ bằng đất, số tiền khách hàng đầu tư chỉ chiếm 1/3 quỹ đất. Tuy nhiên Tòa án hình sự có phán quyết riêng. Đối với Thông báo về việc thụ lý vụ án nguyên đơn bà Phan Thị Phương M, căn cứ vào tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện tôi không thấy tài liệu nào có tên tôi và bà Võ Thị Thanh M ở phần bị đơn. Án tại hồ sơ kính xin Tòa án xem xét giải quyết một cách có tình có lý."

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 tỉnh Quảng Trị đã phát biểu quan điểm:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Về việc thụ lý vụ án: Đây là vụ án tranh chấp đòi lại tài sản giữa cá nhân và cá nhân không vì mục đích lợi nhuận, một trong các bị đơn có địa chỉ tại

phường Đồng Sơn, tỉnh Quảng Trị, do đó Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật như xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, tiến hành xác minh sự có mặt của bị đơn, mở phiên họp công khai chứng cứ, tiến hành niêm yết các thông báo và quyết định của Tòa án.

*Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật từ thủ tục bắt đầu phiên tòa đến phần xét hỏi, tranh luận theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình như cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án, tham gia phiên hòa giải, viết bản tự khai và tham gia tại phiên tòa.

*Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 166 Bộ luật Dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Căn cứ Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp đòi lại tài sản là tranh chấp theo quy định tại khoản 2 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm h khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025) thì vụ án thuộc thẩm quyền về loại việc và thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho các đương sự tự thỏa thuận với nhau để đi đến thống nhất giải quyết vụ án, nhưng không có kết quả. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn ông L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều

227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Thái L.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 18/02/2019 bà Phan Thị Phương M ký Hợp đồng thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất số LK13 – ô số 16/HĐCN/2019 đối với nền đất thuộc dự án: A Tóc Tiên Residence 2, tọa lạc tại ấp 5, xã Tóc Tiên, thị xã Phú M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cũ; chủ đầu tư là Công ty cổ phần BĐS địa ốc A; diện tích: 136,3m^2; Đã nộp số tiền cho 01 nền đất là 344.263.000 đồng theo phiếu thu: 51100 do Công ty cổ phần địa ốc A thu, được các bị đơn xác nhận. Buộc ông Nguyễn Thái L và bà Võ Thị Thanh M cùng liên đới hoàn trả lại cho bà Phan Thị Phương M số tiền 344.263.000 đồng, dựa trên phiếu thu mà Công ty cổ phần địa ốc A đã thu có số thứ tự là 51100. Bà Phan Thị Phương M không yêu cầu ông Nguyễn Thái L và bà Võ Thị Thanh M phải trả tiền lãi.

[2.2] Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 300/2023/HS-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực pháp luật và xác định rõ hành vi của ông Nguyễn Thái L và các đồng phạm là hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua việc lập, quảng cáo và bán các dự án không có thật, trong đó có dự án Alibaba Tóc Tiên Residence 2. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, những tình tiết, sự kiện đã được xác định trong bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì không phải chứng minh lại. Do đó, khi giải quyết vụ án dân sự này, không đặt lại vấn đề có hay không hành vi lừa đảo, mà phải căn cứ vào kết luận đã được xác định trong bản án hình sự có hiệu lực pháp luật. Căn cứ hồ sơ vụ án và bản án hình sự phúc thẩm số 300/2023/HS-PT ngày 19/5/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực pháp luật, có đủ cơ sở xác định: Công ty cổ phần địa ốc A được thành lập, đăng ký hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, do ông Nguyễn Thái L là người đại diện theo pháp luật, giữa 49,5% vốn điều lệ; ông Nguyễn Thái L giữ vai trò Chủ tịch Hội đồng quản trị, trực tiếp điều hành, chi phối toàn bộ hoạt động, giữ 1% vốn điều lệ; bà Võ Thị Thanh M là Giám đốc tài chính, đồng thời sở hữu 49,5% vốn điều lệ. Để phục vụ việc huy động vốn và bán các "dự án", L đã chỉ đạo thành lập, sử dụng nhiều pháp nhân vệ tinh, trong đó có Công ty cổ phần BĐS địa ốc A, đứng tên làm "chủ đầu tư" một số dự án, bao gồm dự án Alibaba Tóc Tiên R 2.

[2.3] Các tài liệu được thẩm tra trong vụ án hình sự đã thể hiện: Những khu đất do Công ty cổ phần BĐS địa ốc A và các pháp nhân liên quan đứng tên thực chất là đất nông nghiệp, chưa được chuyển mục đích sử dụng sang đất ở; chưa được chấp thuận chủ trương đầu tư; chưa được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500; chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai; không đủ điều kiện pháp lý để phân lô, bán nền. Cơ quan chức năng tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Thuận và Bà Rịa- Vũng Tàu (cũ) đều xác nhận không có dự án nhà ở nào được cấp phép như nội dung quảng cáo. Mặc dù vậy, theo sự chỉ đạo của Nguyễn

Thái L, các công ty vẫn tự lập bản vẽ phân lô, quảng cáo là "đất thổ cư 100%", ký hợp đồng hợp tác phân phối và trực tiếp thu tiền của khách hàng.

[2.4] Đối với dự án Alibaba Tóc Tiên R 2 là dự án liên quan trực tiếp đến hợp đồng của bà Phan Thị Phương M, bản án hình sự xác định dự án được vẽ trên đất nông nghiệp, chưa đủ điều kiện pháp lý, nhưng vẫn phân thành hàng trăm lô đất thổ cư để bán; có nhiều bị hại bị chiếm đoạt với tổng số tiền đặc biệt lớn. Thủ đoạn được thực hiện theo quy trình khép kín: Nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp thông qua cá nhân thân tín; lập hợp đồng ủy quyền cho pháp nhân do L kiểm soát; tự vẽ dự án, quảng cáo rầm rộ; ký hợp đồng "thỏa thuận chuyển nhượng" với khách hàng; thu tiền về Công ty Alibaba để L quản lý; đồng thời đưa ra các cam kết mua lại với lãi suất cao hoặc trả "tiền thuê đất" 2%/tháng nhằm tạo lòng tin và tiếp tục huy động vốn. Chính cơ chế trả 2%/tháng mà bà M viện dẫn trong vụ án này đã được bản án hình sự xác định là một phần của thủ đoạn lừa đảo, không phải giao dịch đầu tư hợp pháp. Tại phiên tòa hình sự phúc thẩm, các bị cáo trong đó có Nguyễn Thái L và Võ Thị Thanh M đã thừa nhận hành vi như nội dung truy tố; bản án hình sự xác định 58 dự án trong đó có dự án Alibaba Tóc Tiên R 2 do hệ thống A đưa ra đều không có thật, không đủ điều kiện pháp lý để chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô bán nền.

[2.5] Xác định giao dịch giữa bà Phan Thị Phương M và Công ty cổ phần BĐS địa ốc A không phải giao dịch dân sự thông thường mà là một trong những thủ đoạn gian dối nhằm để bị hại tin tưởng và nộp tiền cho ông L để chiếm đoạt. Theo đó, số tiền bị chiếm đoạt được xác định là số tiền bị hại thực tế nộp cho Công ty A sau khi đã khấu trừ các lợi ích từ hợp đồng quyền chọn đã được nhận. Vì vậy, việc xác định bà Phan Thị Phương M là bị hại và số tiền 344.263.000 đồng là tài sản bị chiếm đoạt có căn cứ pháp luật và không phải chứng minh lại trong vụ án này. Thực tế bà Phan Thị Phương M đã giao số tiền 344.263.000 đồng, có phiếu thu hợp lệ và không bị các bị đơn phủ nhận, vì vậy có quyền yêu cầu hoàn trả toàn bộ số tiền này.

[2.6] Về chủ thể chịu trách nhiệm, mặc dù hợp đồng do Công ty cổ phần BĐS địa ốc A ký kết và tiền được thu về Công ty A, nhưng bản án hình sự đã xác định đây là hệ thống pháp nhân do Nguyễn Thái L tổ chức, điều hành nhằm thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản; bà Võ Thị Thanh M với vai trò Giám đốc tài chính và cổ đông lớn đã tham gia quản lý dòng tiền và điều hành hoạt động. Trường hợp cá nhân lợi dụng tư cách pháp nhân để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật thì phải chịu trách nhiệm liên đới đối với nghĩa vụ phát sinh.

[2.7] Căn cứ vào ý kiến của bà Võ Thị Thanh M cũng thừa nhận có sự việc bà Phan Thị Phương M thực hiện việc nộp số tiền 344.263.000 đồng tại Công ty Cổ phần địa ốc A. Bà cũng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Bản án hình sự phúc thẩm số 300/2023/HS-PT ngày 19/5/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh để có cơ sở yêu cầu cơ quan thi hành án thành phố Hồ Chí Minh xử lý tài sản của ông, bà đang bị kê biên bằng các hình thức như đấu giá để bà và ông L thực hiện nghĩa vụ trả lại tiền cho bị hại trong bản án

hình sự và các nguyên đơn khởi kiện tại các vụ án dân sự mà Tòa án đang thụ lý, giải quyết.

Từ các nhận định trên thấy rằng Nguyên đơn bà Phan Thị Phương M khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thái L và bà Võ Thị Thanh M liên đới hoàn trả số tiền 344.263.000 đồng cho nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp nên cần chấp nhận.

[2.8] Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất trong hạn và quá hạn, nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm h khoản 1 Điều 40; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266; Điều 269, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Áp dụng Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Phương M đối với bị đơn bà Võ Thị Thanh M và ông Nguyễn Thái L về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Buộc bị đơn ông Nguyễn Thái L và bà Võ Thị Thanh M cùng liên đới có nghĩa vụ trả lại cho bà Phan Thị Phương M số tiền **344.263.000 đồng**.

Thời hạn thanh toán: Một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Bị đơn ông Nguyễn Thái L và bà Võ Thị Thanh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là **17.213.150 đồng** để sung quỹ nhà nước.

2.2 Nguyên đơn bà Phan Thị Phương M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do nguyên đơn là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên không phải xử lý tiền tạm ứng án phí dân sự.

3. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yều cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

4. Án xử công khai, nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/3/2026). Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 1;
- Phòng Thi hành án dân sự KV1;
- Các đương sự;
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa